

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2023/ST-HNGĐ

Ngày: 15/8/2023

V/v: *tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Hồng Thủy và ông Nguyễn

Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Chủ Thị Bích Lệ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa: Bà Ngô Phương Liên- Kiểm sát viên**

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm 1996; Căn cước công dân số: 03619600****; Nơi thường trú: thôn L, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú mới: thôn C, xã T, huyện V, tỉnh N. Có đơn xin vắng mặt.

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; số định danh cá nhân/CMND: 00108800****; Nơi thường trú: thôn L, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; không rõ địa chỉ cụ thể. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, bà Đào Thị N có đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con: Bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T không có con chung.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà Đào Thị N tự nguyện chịu án phí theo quy định của

pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đào Thị N trình bày nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Hai bên ký kết hôn ngày 30/05/2017 tại UBND xã M, huyện S, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau đó, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 6/2018 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng. Ngày 15/8/2018, ông Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do vợ chồng cách xa nhau về khoảng cách địa lý nên hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm lối sống, dẫn đến không còn tình cảm với nhau nữa. Ngày 30/4/2020, bà Đào Thị N đã trở về nhà bố mẹ đẻ, địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh N để sinh sống cho đến hiện nay. Khoảng tháng 01/2022, hai bên không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống hàng ngày của nhau, người nào biết bổn phận người ấy. Hiện nay ông Nguyễn Văn T đang lao động bất hợp pháp tại Nhật Bản và không đồng ý ly hôn. Ông T và gia đình đang cố tình che giấu địa chỉ nên bà Đào Thị N không thể biết được địa chỉ cụ thể của ông T đang ở đâu. Bà Đào Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể hàn gắn với nhau nữa, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết cho ly hôn.

Về con: Hai bên không có con chung.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn của vụ án, bao gồm cả phần ông Nguyễn Văn T phải chịu.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

2- Đơn xin xác nhận nơi thường trú, Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú.

4- Giấy tờ nhân thân khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Văn T thông qua mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị H, cư trú tại: thôn Lập Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn Thị H xác nhận, ông Nguyễn Văn T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Gia đình đã thông báo cho ông T biết việc bà Đào Thị N xin ly hôn và

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đang thụ lý giải quyết. Ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn vì gia đình theo công giáo, không đồng ý làm văn bản gửi về cho Tòa án và không đồng ý cung cấp địa chỉ hiện tại. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay;

Bà Đào Thị N có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, kiên quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đào Thị N đối với ông Nguyễn Văn T; Bà Đào Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con: xác nhận bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T không có con chung; về tài sản, nhà ở: bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: bà Đào Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đào Thị N xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông Nguyễn Văn T đang ở Nhật bản không về Việt Nam nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Ông Nguyễn Văn T hiện đang ở Nhật Bản, không đến Tòa án, không gửi văn bản cho Tòa án và không cung cấp địa chỉ hiện tại cho Tòa án. Bà Đào Thị N là nguyên đơn thuộc trường hợp người Việt Nam ở trong nước xin ly hôn với người Việt Nam ở nước ngoài và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài, thông qua thân nhân của bị đơn có căn cứ để xác định họ vẫn liên hệ với thân nhân ở trong nước nhưng thân nhân của họ không cung cấp địa chỉ, tin tức

của bị đơn cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên theo hướng dẫn tại công văn 253/TANDTC-PC ngày 26.11.2018 thì coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng thân nhân của họ không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Đào Thị N xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không cung cấp địa chỉ hiện tại cho bà Đào Thị N. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Sau khi bà Đào Thị N nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, thông qua gia đình, ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn vì gia đình theo công giáo nên theo quy định của người công giáo, vợ chồng không được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: lý do không đồng ý ly hôn ông Nguyễn Văn T đưa ra không phải là lý do chính đáng để hàn gắn xây dựng hôn nhân chân chính nên việc Tòa án giải quyết cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T không có con chung.

[4] Về tài sản: Ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đào Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T.

2- Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị N không có con chung.

3- Về chia tài sản: bà Đào Thị N và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4- Về án phí: Bà Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001758 ngày 13.6.2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bà Đào Thị N đã nộp xong tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội (án có hiệu lực);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM
NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

HỘI THẨM
NHÂN DÂN

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

